

SỐ 1666

## LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN (1)

*Tựa: Dương Châu - Tăng Trí Khải soạn.*

Nói đến Luận Khởi Tín, đó chính là luận Đại thừa đạt đến điểm cao nhất, là bí điển thâm diệu khai thị như lý về nghĩa của duyên khởi. Ý chỉ của luận sâu rộng, vắng lặng mà vô tướng. Công dụng của luận lớn rộng bao la vô biên, là nơi nương tựa cho phàm Thánh, là nguồn gốc của các pháp. Vì luận đó văn từ sâu, ý chỉ xa, người tin rất ít ỏi. Do vậy hơn sáu trăm năm sau khi Như Lai diệt độ, các đạo phái dấy lên hỗn loạn, tà ma tranh nhau kích động, không ngừng hủy báng đối với chánh pháp của Phật. Bấy giờ, có một vị Sa-môn đức hạnh tuyệt vời, tên là Mã Minh, rất hợp với Đại thừa cùng tận sâu xa pháp tánh, vì Đại bi nội tu thông suốt tùy cơ ứng hiện, xót thương chúng sanh còn mãi mê muội cho nên soạn ra luận này, phát huy Tam bảo trùm hừng ánh sáng Phật đà. Khởi Tín chưa bao lâu đã bỏ tà theo chánh, làm cho chánh điển Đại thừa hiển bày trở lại từ lúc ấy, lý duyên khởi sâu xa càng làm cho đời sau sáng tỏ. Những hạng mê muội với các kiến giải khác nhau thì xả bỏ chấp trước mà quy y. Bề nhóm nghiêng về tình dướng như mờ mịt, vứt đi tham đắm mà được tiếp cận tốt đẹp. Từ xưa đến nay, mãi giấu kín ở Tây Vực, không truyền đến cho người vùng Đông Hạ (Trung Quốc). Do phiên dịch khởi dòng có lúc, do đó Lương Vũ hoàng đế trước kia, phái người đến kết thân với nước Ma-già-đà vùng Trung Thiên Trúc lấy kinh. Cùng với các vị Pháp sư, gặp được Tam Tạng Câu Lan Nan Đà, tên được dịch là Chân Đế. Con người ấy xem đầy đủ các kinh, nhưng đối với Đại thừa lại thấu triệt sâu xa. Lúc Quốc vương đồng ý lập tức

phái người di chuyển, Pháp sư hết sức từ chối nhưng không tránh khỏi, phải lên đênh theo thuyền, đồng thời tặng cho tô hợp và tượng Phật đến triều kiến, cùng Cù Đàm và nhiều người đi theo. Nhưng chưa đến mười ngày thì gặp phải tình trạng chư hầu xâm phạm quá nhiều, Pháp sư chọn lấy loại xuất sắc giúp đỡ lưu thông, ngậm ngọc không nhả ra, tuệ nhật tạm thời dừng lại, muốn quay trở về, liền dẫn dò Trực Kinh Ấp Anh Hiền Tuệ - Hiền Trí Thiều - Trí Khải - Đàm Chấn - Tuệ Mân, cùng với Giả Hoàng Việt đại tướng quân Thái Bảo Tiêu Công Bội, từ Đại Lương niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba, ngày 10 tháng 9 năm Quý Dậu, ở tại chùa Kiến Hưng quận Thỉ Hưng - Hoàn Châu, kính cẩn thỉnh cầu Pháp sư diễn giải phát triển Đại thừa, xiển dương bí điển, chỉ bày cho kẻ mê muội, liền phiên dịch một quyển luận này. Để sáng tỏ tông chỉ của luận, Huyền Văn có hai mươi quyển, Đại Phẩm Huyền Văn có bốn quyển, kinh Thập Nhị Nhân Duyên có hai quyển, Cửu Thức Nghĩa Chương có hai quyển, người truyền bá ngôn ngữ nước Thiên Trúc là Nguyệt Chi Thủ Na, người cầm bút viết là Trí Khải, từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc thời gian hai năm mới hoàn tất. Mã Minh căn cứ vào tông chỉ, càng chiếu sáng đối với bấy giờ, các loại tà kiến khuất phục thuận theo sự cảm hóa từ chánh đạo. Tôi tuy xúc động vì không thể diện kiến được Ngài, mà vui mừng gặp được huyền chỉ, sung sướng với tông chỉ sâu thẳm đó, lưu luyến mãi không quên, không thể đắn đo mà không nghe, hẳn tạm ghi tựa nói rõ, nếu như gặp được người trí, rủ lòng ban cho sự sửa chữa cao thâm.

-----

## LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN (1)

*Bồ tát Mã Minh tạo luận.*

*Hán dịch: Đời Lương, Tam Tạng Pháp sư Chân Đế.*

*Kính lạy chư Phật khắp mười phương  
Sự nghiệp tối thắng biết tất cả  
Sắc thân tự tại không chướng ngại  
Đại bi cứu giúp cho thế gian.  
Đạt đến Thể tướng sắc thân ấy  
Là biển cả pháp tánh chân như  
Kho tàng công đức không bến bờ  
Cùng những bậc tu hành như thật.  
Vì muốn khiến cho mọi chúng sanh  
Trừ nghi ngờ, bỏ hết chấp tà  
Xây dựng chánh tín với Đại thừa  
Để dòng giống Phật không đoạn mất.*

Luận nêu: Có pháp có thể phát khởi tín căn của Đại thừa, vì vậy cần phải giới thiệu. Nói ra có năm phần. Những gì năm phần? Đó là:

1. Phần nhân duyên.
2. Phần lập nghĩa.
3. Phần giải thích.
4. Phần tín tâm tu hành.
5. Phần khuyến khích tu vì lợi ích.

### ***Thứ nhất nói về Nhân duyên.***

Hỏi: Do nhân duyên gì mà soạn ra luận này?

Đáp: Nhân duyên này có tám loại. Những gì là tám loại? Đó là:

1. Nhân duyên tổng tướng. Đó là vì làm cho chúng sanh xa rời tất cả mọi khổ đau, đạt được niềm vui cứu cánh, không phải cầu mong danh lợi và sự cung kính của thế gian.

2. Vì muốn giải thích nghĩa lý căn bản của Như Lai, làm cho các chúng sanh hiểu chính xác không sai lầm.

3. Vì khiến cho chúng sanh thành thực những thiện căn đối với Pháp Đại thừa có thể đảm đương được và không lui sụt niềm tin.

4. Vì làm cho chúng sanh có thiện căn nhỏ yếu, tu tập vun trồng niềm tin.

5. Vì nêu ra phương tiện trừ bỏ nghiệp chướng xấu ác, cố gắng giữ gìn tâm đó, rời bỏ ngu si kiêu mạn vượt ra khỏi mạng lưới tà vạy.

6. Vì chỉ ra cách tu tập về Chỉ và Quán, để đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Nhị thừa.

7. Vì nêu ra phương tiện chuyên chú tâm niệm, sanh ở trước Đức Phật, chắc chắn không lui sụt niềm tin ấy.

8. Vì chỉ ra lợi ích để khuyến khích tu hành. Có những nhân duyên như vậy, cho nên soạn ra luận này.

Hỏi: Trong kinh điển có đủ các pháp ấy, đâu cần phải nói lại?

Đáp: Trong kinh điển tuy có những pháp này, nhưng vì căn hành của chúng sanh không như nhau, duyên tiếp nhận và lý giải cũng sai khác. Nghĩa là lúc Như Lai ở đời thì chúng sanh còn có nhiều lợi căn, Ngài giảng nói thì sắc thân và tâm niệm đều là nghiệp thù thắng, âm thanh đầy đủ một khi phát ra, các chủng loại khác nhau đều hiểu được, vì thế không cần đến luận bàn. Nếu như sau khi Như Lai diệt độ, hoặc là có chúng sanh có thể dùng năng lực của mình nghe nhiều kinh pháp mà được hiểu biết. Hoặc là có chúng sanh cũng dùng năng lực của mình nghe ít kinh pháp nhưng hiểu được nhiều. Hoặc là có chúng sanh vì trí lực của mình không có nên nhờ vào luận bàn mở rộng mà được hiểu biết. Cũng có chúng sanh lại vì luận văn mở rộng là nhiều và cho là phiền phức, tâm chỉ thích nắm lấy tổng quát loại nào ít văn mà thâm tóm nhiều nghĩa lý để có thể hiểu được. Những điều như vậy mới có luận này, vì muốn thâm gồm tất cả nghĩa lý bao la không giới hạn trong giáo pháp sâu xa rộng lớn của Đức Như Lai, nên phải giới thiệu luận này.

Đã nói về phần nhân duyên, tiếp theo nói về phần lập nghĩa.

Đại thừa, nói tổng quát có hai loại. Sao nói là hai loại? Đó là: 1. Pháp. 2. Nghĩa. Nói về pháp, đó gọi là tâm chúng sanh, tâm này thâm tóm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Căn cứ vào tâm này biểu hiện rõ nghĩa lý của Đại thừa. Vì sao? Vì tâm này là tướng Chân như, chính là biểu thị cho thể của Đại thừa, tâm này là tướng nhân duyên sanh diệt, có thể biểu thị cho tướng dụng nơi tự thể của Đại thừa.

Nói về nghĩa thì có ba loại. Sao nói là ba loại? Đó là: 1. Thể Đại, nghĩa là tất cả các pháp Chân như bình đẳng không tăng giảm. 2. Tướng Đại, nghĩa là Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức. 3. Dụng Đại,

luôn luôn sanh ra tất cả mọi nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian. Tất cả chư Phật vốn đã vận dụng, tất cả Bồ-tát đều vận dụng pháp này mà đạt đến địa Như Lai.

Đã nói về phần lập nghĩa, tiếp theo nói về phần giải thích.

Phần giải thích có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là: 1. Biểu hiện rõ chánh nghĩa. 2. Đối trị chấp tà. 3. Phân biệt tướng phát huy hướng về đạo.

Biểu hiện rõ về chánh nghĩa, là dựa vào một tâm pháp có hai loại môn. Sao nói là hai?

Đó là: 1. Môn tâm chân như. 2. Môn tâm sanh diệt. Hai chủng loại này đều thấu gồm toàn bộ tất cả các pháp. Nghĩa này nói gì? Vì hai chủng loại này không xa rời nhau. Tâm chân như chính là Thể Đại tổng tướng pháp môn của một pháp giới, đó là tâm tánh bất sanh bất diệt, tất cả các pháp chỉ dựa vào vọng niệm mà có sai biệt, nếu xa rời vọng niệm thì không có tất cả các tướng của cảnh giới. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa rời tướng ngôn thuyết, xa rời tướng danh tự, xa rời tướng tâm duyên, hoàn toàn bình đẳng không hề có sự biến đổi, không thể hủy hoại được, chỉ là một tâm nên gọi là Chân như. Vì tất cả ngôn thuyết đều là giả danh không thật, chỉ tùy theo vọng niệm không thể nào đạt được. Nói là Chân như, cũng không hề có tướng, nghĩa là đến tột cùng của ngôn thuyết mượn ngôn ngữ mà hủy bỏ ngôn ngữ. Thể Chân như này không gì có thể hủy hoại, vì tất cả các pháp đều là chân thật. Nên biết tất cả các pháp đều là Chân thật, cũng không thể thiết lập được, vì tất cả các pháp đều cùng là Như. Nên biết tất cả các pháp không thể giảng giải, không thể phân biệt, đó gọi là Chân như.

Hỏi: Nếu nghĩa lý là như vậy, thì các chúng sanh làm sao có thể tùy thuận, tự bản thân hội nhập được?

Đáp: Nếu như biết tất cả các pháp tuy nói là không gì có thể nói mà đáng để nói, tuy nghĩ cũng không thể nghĩ mà đáng để nghĩ, gọi là tùy thuận. Nếu xa rời phân biệt thì gọi là được hội nhập.

Vả lại, Chân như này là dựa vào ngôn thuyết phân biệt mà có hai loại nghĩa. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Như thật không, vì năng lực cứu cánh biểu hiện rõ “Thật”.

2. Như thật bất không, vì có tự thể đầy đủ tánh công đức vô lậu.

Nói về không, vì từ xưa đến nay không thể tương ứng với tất cả các pháp nhiễm ô, nghĩa là xa rời tướng sai biệt của tất cả các pháp, vì không có tâm niệm gì hư vọng. Nên biết tự tánh chân như, chẳng phải có tướng - chẳng phải không có tướng, chẳng phải chẳng có tướng

- chẳng phải không phải không có tướng, chẳng phải có - không có đều là tướng, chẳng phải một tướng - chẳng phải khác tướng, chẳng phải không là một tướng - chẳng phải không là khác tướng, chẳng phải một - khác đều là tướng, thậm chí nói tổng quát là dựa vào tất cả chúng sanh vì có tâm vọng phân biệt trong từng niệm từng niệm, đều không thể tương ứng, nên nói là không. Nếu như xa rời tâm vọng thì thật không có gì là không.

Nói về bất không, đã biểu hiện thể của pháp là không và không có vọng ảo, chính là chân tâm thường hằng bất biến, đầy đủ các pháp thanh tịnh, gọi là bất không, cũng không hề có tướng có thể đạt được, vì xa rời phân biệt cảnh giới chỉ tương ứng với chứng.

Tâm sanh diệt dựa vào Như Lai tạng nên có tâm sanh diệt, nghĩa là bất sanh bất diệt cùng với sanh diệt hòa hợp chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là thức A-lê-gia. Thức này có hai loại nghĩa, có thể thâm gồm và sanh khởi tất cả các pháp. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Nghĩa về giác.

2. Nghĩa về bất giác.

Nói về nghĩa giác, là thể của tâm xa rời phân biệt, tướng xa rời phân biệt giống như hư không bao la không nơi nào là không bao phủ. Pháp giới một tướng chính là pháp thân bình đẳng của Như Lai, dựa vào pháp thân này gọi là Bản giác. Tại sao? Vì nghĩa Bản giác đối với Thỉ giác mà nói. Vì Thỉ giác chính là đồng với Bản giác. Nghĩa Thỉ giác là dựa vào Bản giác mà có bất giác, dựa vào bất giác nên nói có Thỉ giác. Lại vì cội nguồn của tâm giác nên gọi là Giác cứu cánh, cội nguồn của tâm bất giác nên chẳng phải là Giác cứu cánh. Nghĩa này nói gì? Như người bình thường giác ngộ biết niệm trước dấy lên là ác, có thể ngăn lại niệm sau khiến nó không dấy lên, tuy cũng gọi là giác nhưng chính là bất giác. Như hàng Nhị thừa quán trí và các bậc Bồ-tát mới phát tâm, giác ngộ đối với tướng của niệm khác nhau và niệm không khác nhau, vì xả bỏ tướng phân biệt chấp trước thuộc phần thô, gọi là giác tương tự. Như pháp thân Bồ-tát giác ngộ niệm an trú và niệm không có tướng an trú, vì lìa phân biệt tướng niệm thô nên gọi là giác tùy phần. Như Bồ-tát ở địa cuối cùng, đầy đủ phương tiện tương ứng với nhất niệm, tâm giác ngộ mới khởi tâm không có tướng ban đầu, vì xa rời ý niệm vi tế, thấy được tâm tánh, tâm tánh chính là thường trú nên gọi là Giác cứu cánh. Vì vậy trong kinh nói: “Nếu có chúng sanh nào có thể quán xét vô niệm thì đó chính là hướng tới trí Phật”. Còn tâm khởi lên, không có tướng ban đầu có thể biết, nhưng nói là biết tướng ban đầu, gọi là

vô niệm. Vì thế tất cả chúng sanh không gọi là giác. Vì từ xưa đến nay niệm niệm nối theo nhau chưa hề xa rời phân biệt, nên nói là vô minh vô trí. Nếu đạt được vô niệm, thì biết tướng sanh trú diệt của tâm. Vì không có những phân biệt, mà thật sự không có khác nhau về Trí giác, bốn tướng cùng lúc mà có đều là không có tự tồn tại, xưa nay bình đẳng cùng chung một giác.

Hơn nữa, Bốn giác tùy theo sự ô nhiễm, phân biệt sanh ra hai loại tướng, cùng với Bốn giác ấy không tách rời lẫn nhau. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Tướng trí tịnh.
2. Tướng bất tư nghị nghiệp.

- Tướng trí tịnh, nghĩa là dựa theo năng lực của pháp huân tập, như thật tu hành, đầy đủ mọi phương tiện, phá trừ tướng hòa hợp của thức, diệt tướng tương tục của tâm, biểu hiện rõ pháp thân, nên trí hoàn toàn thanh tịnh. Nghĩa này là thế nào? Do tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh, tướng của vô minh không xa rời tánh giác, không phải có thể hủy hoại, không phải không thể hủy hoại, như nước giữa biển khơi vì gió mà nổi sóng, tướng của nước và tướng của gió không tách rời nhau, nhưng tánh của nước không phải là động, nếu như gió dừng lại hoàn toàn thì tướng động sẽ không còn, tánh ướt vẫn không thể hoại mất. Như vậy tâm thanh tịnh và tự tánh của chúng sanh, vì gió vô minh mà tâm động, tâm và vô minh đều không có hình tướng và không tách rời nhau, nhưng tâm không phải là tánh động, nếu vô minh diệt thì nối tiếp theo nhau sẽ diệt, tánh của trí không thể hoại mất.

- Tướng bất tư nghị nghiệp là vì dựa vào tướng thanh tịnh của trí, có thể làm ra tất cả mọi cảnh giới thắng diệu, đó gọi là tướng của vô lượng công đức thường không đoạn tuyệt, tùy căn cơ chúng sanh mà tự nhiên tương ứng, biểu hiện đủ mọi hình thái và làm lợi ích cho tất cả. Tiếp tục nói về thể tướng của giác, có bốn loại nghĩa lớn, giống như hư không và tựa như tấm gương trong sáng. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Tấm gương như thật không, tách rời tất cả các tướng nơi cảnh giới của tâm, không có pháp nào có thể bày rõ mà chẳng phải là nghĩa soi chiếu từ giác.

2. Tấm gương của nhân huân tập, nghĩa là như thật bất không, tất cả mọi cảnh giới thế gian đều hiện rõ từ trong đó, thường trú một tâm không ra, không vào, không mất đi, không hủy hoại, vì tất cả các pháp chính là tánh chân thật. Và lại, tất cả các pháp nhiễm ô vốn không thể

làm nhiệm ô được, thể của trí là bất động, nên đầy đủ mọi pháp vô lậu xông ướp cho chúng sanh.

3. Tắm gương của pháp xuất ly, nghĩa là pháp bất không, vượt ra ngoài sự chướng ngại của phiền não và trí, tách rời tướng hòa hợp nên trong sáng thuần khiết.

4. Tắm gương của duyên huân tập, nghĩa là dựa vào pháp tách rời, soi chiếu tất cả tâm địa của chúng sanh, khiến tu thiện căn, tùy theo ý niệm mà bày tỏ rõ.

Nói về nghĩa bất giác, nghĩa là vì không biết như thật về pháp Chân như chỉ là một, tâm không giác ngộ mà dấy lên có sự phân biệt, niệm phân biệt không có tự tướng và không xa rời Bản giác, giống như người mê muội dựa vào phương hướng cho nên mê lạc, nếu như xa rời phương hướng thì không có mê muội. Chúng sanh cũng vậy, dựa vào giác ngộ nên không nhận ra, nếu tách rời tánh giác thì không có gì không giác ngộ. Vì có tâm vọng tưởng không giác ngộ, nên có thể biết danh nghĩa là nói về giác ngộ chân thật, nếu xa rời tâm không giác ngộ, thì không có tự tướng giác ngộ chân thật nào đáng nói.

Tiếp theo dựa vào không giác ngộ nên sanh ra ba loại tướng, cùng với không giác ngộ ấy tương ứng không xa rời. Sao nói là ba loại? Đó là:

1. Tướng vô minh nghiệp, vì dựa vào không giác ngộ nên tâm vọng động, gọi đó là nghiệp. Giác ngộ thì tâm không động, động thì có khổ, quả ấy không rời nhân.

2. Tướng có thể thấy. Vì dựa vào tâm động nên có thể thấy tướng, tâm nếu không động thì không thể thấy.

3. Tướng cảnh giới, vì dựa vào chủ thể tiếp xúc nên cảnh giới huyễn vọng hiện bày, xa rời tiếp xúc thì không có cảnh giới. Vì có cảnh giới duyên theo nên tiếp tục sanh ra sáu loại tướng. Sao nói là sáu loại? Đó là:

1. Tướng trí, dựa vào cảnh giới mà tâm khởi lên phân biệt yêu thích và ghét bỏ.

2. Tướng tương tục, dựa vào trí nên phát sanh ra cảm giác khổ vui, tâm khởi lên phân biệt tương ứng không dứt.

3. Tướng chấp thủ, dựa vào duyên liên tục phân biệt đối với cảnh giới, giữ lấy khổ vui mà tâm dấy lên đắm chấp.

4. Tướng kế danh tự, dựa vào phân biệt vọng chấp tướng của danh ngôn không thật.

5. Tướng khởi nghiệp, dựa vào danh tự tìm lấy tên gọi, giữ lấy



tham đắm tạo ra các loại nghiệp.

6. Tướng nghiệp hệ khổ, vì dựa vào nghiệp mà nhận chịu quả báo không tự tại. Nên biết vô minh có thể sanh ra tất cả các pháp nhiễm ô, vì tất cả các pháp nhiễm ô đều là tướng bất giác.

Tiếp theo nói về giác và bất giác có hai loại tướng. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Đồng tướng.
2. Dị tướng.

- Nói là Đồng tướng, ví như các loại đồ dùng bằng sành sứ đều cùng tánh tướng vi trần, như vậy các loại nghiệp huỷ hoại như vô lậu - vô minh, đều cùng chung tánh tướng là Chân như. Vì thế trong kinh dựa vào nghĩa Chân như này nên nói tất cả chúng sanh xưa nay thường trú vào trong Niết-bàn, pháp Bồ-đề không phải là tướng có thể tu, không phải là tướng có thể làm, suy cho cùng là không có đạt được, cũng không có sắc tướng nào có thể nhìn thấy, nhưng có nhìn thấy sắc tướng ấy, chỉ là tùy theo nghiệp nhiễm ô huỷ hoại hóa tạo thành, không phải là tánh bất không của trí sắc, vì tướng của trí không thể nào nhìn thấy được.

- Nói về Dị tướng, như các loại đồ dùng bằng sành sứ mỗi loại có một vẻ riêng không hề như nhau, như vậy vô lậu, vô minh, tùy theo nhiễm ô huỷ hoại hóa sai biệt, cho nên tánh nhiễm ô huỷ hoại hóa cũng sai biệt.

Tiếp theo nói về nhân duyên sanh diệt. Đó nói là chúng sanh dựa vào tâm ý và ý thức chuyển đổi mà thành. Nghĩa này thế nào? Vì dựa vào thức A-lại-da nên nói là có vô minh, vì không giác ngộ mà dấy lên, chủ động nhìn thấy, chủ động hiện bày, chủ động giữ lấy cảnh giới, khởi dậy phân biệt tiếp theo nhau, nên nói là ý. Ý này lại có năm tên gọi. Đó là:

1. Gọi là nghiệp thức, là tâm vọng động không giác ngộ vì lực của vô minh.
2. Gọi là chuyển thức, dựa vào tâm vọng động luôn luôn nhìn thấy tướng.
3. Gọi là hiện thức, đó là chủ động hiện bày tất cả các cảnh giới, giống như gương sáng hiện rõ ra những cảnh sắc, hiện thức cũng vậy, tùy theo năm trần ấy hướng đến thì lập tức hiện bày mà không hề có trước sau, do đó tất cả mọi lúc tùy ý vận dụng mà dấy lên, luôn luôn ở phía trước.
4. Gọi là trí thức, nghĩa là phân biệt pháp có nhiễm và tịnh.
5. Gọi là thức tương tục, vì niệm tương ứng không dứt, tùy ý nắm

giữ nghiệp thiện ác của vô lượng đời kiếp trong quá khứ khiến không mất đi, lại có khả năng làm thành thực các báo ứng khổ vui trong đời hiện tại và vị lai không hề sai khác, có khả năng khiến cho sự việc hiện tại đã trải qua bỗng nhiên lại nhớ rõ, sự việc của vị lai không cảm giác được khiến suy nghĩ viễn vông. Vì vậy ba cõi không có thật chỉ do tâm mà hiện bày, tách rời tâm ra thì không có cảnh giới của sáu trần. Nghĩa này thế nào? Do tất cả các pháp đều từ tâm dấy lên vọng niệm mà sanh ra, tất cả mọi phân biệt chính là phân biệt từ tâm mình, nhưng tâm không nhìn thấy, tâm không có tướng có thể đạt được. Nên biết tất cả mọi cảnh giới ở thế gian, đều dựa vào tâm vọng vô minh của chúng sanh mà được giữ lại. Vì vậy tất cả các pháp, giống như cảnh tượng trong gương không có thật Thế để đạt được, chỉ do tâm hư vọng hiện bày, do đó tâm sanh thì các loại pháp sanh ra, tâm diệt thì các loại pháp diệt đi.

Tiếp theo nói về ý thức. Chính là thức tương tục này, dựa vào các phàm phu chấp trước chuyển thành sâu nặng, chấp ngã và ngã sở, các loại vọng chấp tùy theo sự mà bám lấy duyên, phân biệt sáu trần gọi là ý thức, cũng gọi là thức phân ly, lại còn gọi là thức phân biệt sự. Thức này dựa vào nghĩa do kiến ái phiền não tăng trưởng. Dựa vào vô minh huân tập đã dấy lên thức ấy, không phải phàm phu có thể biết được, cũng không phải trí tuệ Nhị thừa hiểu thấu được, nghĩa là dựa vào Bồ-tát, từ khi bắt đầu chánh tín phát tâm quán sát, nếu như chứng pháp thân thì có thể biết được phần ít, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng cũng không có khả năng biết tất cả, chỉ có địa Phật mới hiểu rõ đến tận cùng. Tại sao? Do tâm này từ xưa đến nay là tự tánh thanh tịnh, nhưng có vô minh, vì vô minh làm cho ô nhiễm, nên có tâm nhiễm ô đó, tuy có tâm nhiễm ô mà thường hằng bất biến, vì vậy nghĩa này chỉ có Phật hiểu biết hoàn toàn. Vốn gọi là tâm tánh thường vô niệm, nên nói là bất biến, vì không thông suốt một pháp giới nên tâm không tương ứng bỗng nhiên khởi lên phân biệt gọi là vô minh. Tâm nhiễm ấy có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Đó là:

1. Chấp tương ứng nhiễm, vì dựa vào sự giải thoát của Nhị thừa và niềm tin tương ứng với địa được xa rời.
2. Bất đoạn tương ứng nhiễm, dựa vào niềm tin tương ứng với địa, tu học phương tiện dần dần có thể xả bỏ, đạt được phần vị tâm thanh tịnh nên cuối cùng sẽ xa rời.
3. Phân biệt trí tương ứng nhiễm, dựa vào địa đầy đủ giới pháp dần dần được xa rời, cho đến xa rời hoàn toàn ở địa phương tiện vô tướng.
4. Hiện sắc bất tương ứng nhiễm, dựa vào địa sắc tương tự tại có

khả năng xa rời.

5. Năng kiến tâm bất tương ứng nhiễm, dựa vào địa tâm tự tại có năng lực xa rời.

6. Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiễm, dựa vào địa cuối cùng của Bồ-tát được tiến vào địa Như Lai có năng lực xa rời. Không hiểu rõ về nghĩa lý của một pháp giới, thì từ địa niềm tin tương ứng quán sát học mà đoạn dứt, tiến vào địa tâm thanh tịnh tùy theo từng phần mà được rời xa, cho đến địa Như Lai thì có năng lực xa rời hoàn toàn.

Nói về nghĩa tương ứng, nghĩa là tâm phân biệt pháp sai khác, dựa vào sự sai biệt giữa nhiễm và tịnh, mà biết tướng duyên theo cũng giống nhau. Nghĩa bất tương ứng, là chính nơi tâm không giác ngộ bình thường không có sai khác, vì không giống như biết tướng duyên theo tướng. Và lại, nghĩa về tâm nhiễm, gọi là phiền não chướng ngại, vì có năng lực cản trở trí căn bản của chân như. Nghĩa về vô minh, gọi là chướng ngại của trí, vì có khả năng cản trở trí nghiệp tự nhiên của thế gian. Nghĩa này thế nào? Vì dựa vào tâm nhiễm luôn tiếp xúc, luôn hiện bày, vọng giữ lấy cảnh giới trái với tánh bình đẳng, do tất cả các pháp luôn luôn tĩnh lặng, không có tướng nào khởi lên, vô minh bất giác vọng động trái với pháp nên không thể nào tùy thuận với các loại trí của tất cả mọi cảnh giới ở thế gian.

Tiếp theo, phân biệt về tướng sanh diệt có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Thô, cùng với tâm tương ứng.

2. Tế, cùng với tâm không tương ứng.

Lại có cảnh giới của phàm phu thô thiển ở trong thô thiển, cảnh giới của Bồ-tát vi tế trong thô thiển và thô thiển ở trong vi tế, vi tế trong vi tế là cảnh giới của Phật. Hai loại sanh diệt này, dựa vào vô minh huân tập mà có, vốn gọi là dựa vào nhân, dựa vào duyên. Dựa vào nhân là nghĩa về bất giác. Dựa vào duyên là nghĩa về vọng tác cảnh giới. Nếu như nhân diệt thì duyên diệt, nhân diệt nên tâm bất tương ứng diệt, duyên diệt nên tâm tương ứng diệt.

Hỏi: Nếu như tâm diệt thì thế nào là tương tục? Nếu là tương tục thì sao nói là cứu cánh diệt?

Đáp: Nói là diệt, chỉ là tướng tâm diệt chứ không phải là thể tâm diệt, như gió dựa vào nước mà có tướng động, nếu như nước không còn thì tướng gió đoạn tuyệt không có nơi nương tựa. Vì nước không diệt nên tướng gió nối tiếp theo nhau, chỉ vì gió diệt nên tướng động diệt theo chứ không phải là nước diệt. Vô minh cũng như vậy, dựa vào thể

tâm mà động, nếu như thể tâm diệt đi thì chúng sanh đoạn tuyệt không có nơi nào nương tựa, vì thể không diệt nên tâm được tương tục, chỉ do ngu si diệt đi nên tướng tâm diệt theo chứ không phải là tâm trí diệt mất.

Vả lại, có bốn loại pháp với ý nghĩa là huân tập, pháp nhiễm và pháp tịnh dấy lên không hề đoạn tuyệt. Sao nói là bốn loại? Đó là:

1. Pháp tịnh, gọi là Chân như.
2. Hết thấy nhân nhiễm, gọi là vô minh.
3. Tâm vọng, gọi là nghiệp thức.

4. Cảnh giới vọng, đó là sáu trần. Nghĩa về huân tập, giống như ở thế gian thì các loại áo quần thật sự không có hương thơm, nếu như người dùng hương thơm mà huân tập cho nên sẽ có mùi thơm. Ở đây cũng như vậy, pháp chân như thanh tịnh thật ra không có nhiễm ô, chỉ vì vô minh huân tập mà có tướng nhiễm ô, pháp ô minh nhiễm ô thật sự không có nghiệp thanh tịnh, nhưng dùng chân như mà huân tập nên sẽ có công dụng thanh tịnh. Sao nói là huân tập khởi lên pháp nhiễm ô không dứt? Đó là vì dựa vào pháp chân như nên có vô minh, vì có nhân của pháp nhiễm ô nên chính là huân tập chân như, vì huân tập thì có tâm vọng, vì có tâm vọng chính là huân tập vô minh. Không hiểu rõ pháp chân như nên bất giác phân biệt khởi lên hiện bày cảnh giới huyễn vọng, vì có cảnh giới huyễn vọng duyên theo pháp nhiễm ô thì sẽ huân tập tâm vọng, khiến phân biệt cố chấp tạo ra các loại nghiệp, nhận chịu những khổ đau đối với tất cả thân tâm. Nghĩa huân tập cảnh giới hư vọng này có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Tăng trưởng ý niệm huân tập.
2. Tăng trưởng giữ lấy huân tập.

Nghĩa huân tập tâm vọng có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là:

1. Nghiệp thức căn bản huân tập, có thể cảm thọ nỗi khổ sanh diệt của A-la-hán, Phật-bích-chi và tất cả các vị Bồ-tát.
2. Tăng trưởng thức phân biệt sự huân tập, có thể cảm thọ nỗi khổ gắn với nghiệp của phàm phu.

Nghĩa vô minh huân tập có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Căn bản huân tập, vì nghĩa có thể thành tựu nghiệp thức.

2. Đã dấy lên kiến ái huân tập, theo nghĩa có năng lực thành tựu thức phân biệt sự.

Sao nói là huân tập khởi lên pháp thanh tịnh không dứt? Đó gọi là vì có pháp chân như nên có thể huân tập vô minh. Vì lực nhân duyên huân tập, làm cho tâm vọng chán nỗi khổ sanh tử vui mừng cầu đến

Niết-bàn. Do tâm vọng nảy có nhân duyên chán ngán và mong cầu thì chính là huân tập chân như, tự tin vào tánh của mình, biết tâm vọng động chưa từng có cảnh giới, tu pháp rời xa. Vì biết chân như chưa từng có cảnh giới, các loại phương tiện khởi lên tùy thuận thực hành không giữ lấy không phân biệt, cho đến nỗ lực huân tập lâu dài do đó vô minh sẽ diệt đi. Do vô minh diệt nên tâm không có khởi lên, vì không khởi lên nên cảnh giới theo đó cũng diệt đi. Vì nhân duyên đều diệt nên tâm tướng đều hết, gọi là được Niết-bàn thành tựu nghiệp tự nhiên. Nghĩa huân tập của tâm vọng có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Thức phân biệt sự huân tập, dựa vào những người thuộc hàng phàm phu, Nhị thừa, chán nổi khổ sanh tử tùy theo năng lực có thể thực hiện, để dần dần hướng đến đạo vô thượng.

2. Ý huân tập, nghĩa là các vị Bồ-tát phát tâm dũng mãnh, nhanh chóng hướng về Niết-bàn.

Nghĩa huân tập về chân như có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Tự thể tướng huân tập.

2. Dụng huân tập. Tự thể tướng huân tập là từ vô thỉ đời kiếp đến nay đầy đủ pháp vô lậu, có đủ các nghiệp bất tư nghị, làm tánh của cảnh giới. Dựa vào hai nghĩa này luôn luôn huân tập, vì có năng lực nên có thể khiến cho chúng sanh chán nổi khổ sanh tử vui mừng mong cầu Niết-bàn, tự tin vào bản thân mình có pháp chân như mà phát tâm tu hành.

Hỏi: Nếu nghĩa như vậy, thì tất cả chúng sanh đều có chân như và đều huân tập chân như, tại sao có người tin và có người không tin, trước sau khác sau rất nhiều, đều thuận theo trong một lúc tự biết mình có pháp chân như, chịu khó tu tập phương tiện cùng đi vào Niết-bàn?

Đáp: Chân như vốn có một, nhưng có vô lượng vô biên vô minh, từ xưa đến nay tự tánh khác nhau dày mỏng bất đồng, có quá nhiều phiền não dựa vào vô minh dấy lên sai biệt vô cùng vô tận, ngã kiến và ngã ái nhiễm chấp phiền não dựa vào vô minh dấy lên sai biệt. Tất cả mọi phiền não như vậy dựa vào vô minh đã dấy lên, trước sau sai biệt quá nhiều, chỉ có Như Lai mới có năng lực biết hết. Vả lại, mọi pháp Phật đều có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa trong cây là chánh nhân của lửa, nếu không có người biết, không tìm mọi cách thích hợp mà củi tự cháy thì không có điều ấy. Chúng sanh cũng như vậy, tuy có chánh nhân là năng lực huân tập, nếu không gặp được chư Phật, Bồ-tát và tri thức thiện để làm duyên cho họ, có thể tự mình đoạn trừ phiền não hội nhập Niết-bàn được thì điều

đó không thể có. Nếu như có năng lực của duyên bên ngoài, mà pháp thanh tịnh bên trong chưa có sức mạnh của sự huân tập, thì cũng không thể nào hoàn toàn chán nỗi khổ sanh tử, vui mừng cầu đến Niết-bàn. Nếu như nhân duyên đầy đủ, đó gọi là tự mình có năng lực của sự huân tập, lại được chư Phật, Bồ-tát vì nguyện lực từ bi che chở, có thể khởi tâm chán đau khổ sanh tử, tin có Niết-bàn và tu tập mọi thiện căn. Vì tu thuần thực thành tựu những thiện căn, nên gặp được chư Phật, Bồ-tát chỉ bày dạy dỗ làm cho vui mừng ích lợi, mới có thể tiến lên hưởng đến đạo quả Niết-bàn.

Công dụng của sự huân tập, chính là năng lực ngoại duyên của chúng sanh. Như vậy ngoại duyên có vô lượng nghĩa, nói sơ lược có hai loại. Thế nào là hai loại?

1. Duyên sai biệt.

2. Duyên bình đẳng.

- Duyên sai biệt, là người này dựa vào chư Phật và các vị Bồ-tát, từ lúc mới phát tâm bắt đầu cầu đạo giải thoát cho đến lúc đạt được quả Phật, trong thời gian đó hoặc tiếp xúc hoặc nghĩ nhớ, hoặc làm người thân như cha mẹ bà con, hoặc làm người cung cấp hay kẻ sai sử, hoặc làm bạn bè hiểu biết, hoặc làm kẻ thù với nhau, hoặc khởi lên bốn sự thâm hóa cho đến tất cả mọi việc làm và vô lượng duyên thực hành, vì năng lực của sự huân tập khởi lên đại bi, luôn làm cho chúng sanh tăng trưởng thiện căn, hoặc tiếp xúc hay nghe được đều nhất định đạt lợi ích. Duyên này có hai loại. Thế nào là hai? 1. Duyên gần, vì mau chóng được độ thoát. 2. Duyên xa, vì lâu dài mới được độ thoát. Hai duyên gần và xa này, phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? 1. Duyên tăng trưởng hành. 2. Duyên thọ đạo.

- Duyên bình đẳng là hết thấy chư Phật và các vị Bồ-tát, đều tâm nguyện độ thoát cho tất cả chúng sanh, tự nhiên huân tập luôn không rời bỏ. Do năng lực của trí tuệ đồng thể, tùy theo chúng sanh nên thấy nghe mà hiện thân làm mọi công việc, đó gọi là chúng sanh dựa vào Tam muội, mới được bình đẳng thấy chư Phật. Thế dụng huân tập này, phân biệt lại có hai loại. Thế nào là hai loại? 1. Chưa tương ứng, nghĩa là phạm phu, Nhị thừa và các vị Bồ-tát mới phát tâm, vì ý và ý thức huân tập, nên dựa vào sức mạnh của niềm tin mà có thể tu hành, nhưng chưa đạt được tâm vô phân biệt tương ứng với thể, chưa đạt được nghiệp tự tại tu hành tương ứng với dụng. 2. Đã tương ứng, nghĩa là pháp thân Bồ-tát đạt được tâm vô phân biệt, tương ứng với trí dụng của chư Phật, chỉ dựa vào pháp lực mà tự nhiên tu hành, huân tập chân như diệt trừ

vô minh.

Vả lại, pháp nhiệm ô từ vô thỉ đến nay được huân tập không ngừng, cho đến sau khi thành Phật thì phải có sự chấm dứt. Pháp thanh tịnh huân tập thì không có đoạn diệt và cùng tận đời vị lai. Nghĩa này thế nào? Do pháp chân như thường xuyên huân tập, nên tâm vọng sẽ đoạn diệt mà pháp thân được hiển hiện, khởi lên công dụng huân tập nên không có đoạn diệt.

Hơn nữa, thể và tướng của chân như ấy, tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật không có sai biệt hay tăng giảm, không phải thời gian trước sanh ra, không phải thời gian sau diệt đi, hoàn toàn thường hằng, từ xưa đến nay tâm tánh này tự nhiên đầy đủ tất cả các công đức, đó gọi là tự thể có nghĩa lý của trí tuệ lớn, sáng suốt, nghĩa lý của sự soi sáng khắp pháp giới, nghĩa lý của sự hiểu biết chân thật, nghĩa lý của tâm thanh tịnh trong tự tánh, nghĩa lý của bốn đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, nghĩa lý của sự trong lành tự tại bất biến. Đây đủ như vậy những phẩm chất của pháp Phật không thể nghĩ bàn vượt lên trên mọi tư duy hằng sa số, không xa rời, không mất hẳn, không sai khác và vượt lên trên mọi tư duy lý luận, cho đến đầy đủ không có một nghĩa lý nào thiếu sót, đó gọi là Như Lai tạng, cũng gọi là Pháp thân Như lai.

Hỏi: Trước đây đã nói thể của chân như là bình đẳng xa rời tất cả mọi tướng, tại sao ở đây lại nói thể có các loại công đức như vậy?

Đáp: Tuy thật có các nghĩa về công đức như vậy, nhưng không có tướng của mọi sai biệt, cùng chung một vị duy nhất là Chân như. Nghĩa này thế nào? Vì không có phân biệt và xa rời tướng phân biệt, nên không có hai tướng. Lại vì nghĩa gì mà có thể nói sai biệt? Do dựa vào tướng sanh diệt đã biểu thị cho nghiệp thức. Điều này biểu thị thế nào? Vì tất cả các pháp xưa nay chỉ do tâm chứ thật ra không có phân biệt, nhưng có tâm vọng bất giác khởi lên phân biệt thấy các cảnh giới nên nói là vô minh. Tâm tánh không dấy lên chính là nghĩa của trí tuệ lớn sáng suốt này. Nếu tâm dấy lên cái thấy thì có tướng không nhìn thấy, tâm tánh xa rời cái thấy chính là nghĩa của sự soi sáng khắp pháp giới. Nếu tâm có vọng động thì không phải sự hiểu biết chân thật là không có tự tánh, chẳng phải Thường - chẳng phải Lạc - chẳng phải Ngã - chẳng phải Tịnh, mà là nóng bức, biến động, là không tự tại, cho đến có đủ các nghĩa vọng niệm vượt quá hằng hà sa số đối với nghĩa công đức thanh tịnh. Nếu tâm không có vọng động, thì có vượt qua số hằng sa các nghĩa về tướng trạng công đức thanh tịnh được biểu hiện rõ. Nếu tâm

có dấy lên, lại thấy pháp trước có thể phân biệt thì có những thiếu sót. Như vậy vô lượng công đức của pháp thanh tịnh, chính là tâm chuyên nhất lại không có phân biệt. Vì vậy đầy đủ gọi là kho tàng của Pháp thân Như Lai.

Tiếp theo nói về công dụng của chân như, đó gọi là chư Phật Như Lai, vốn căn cứ vào Nhân địa phát khởi Đại từ bi, tu các hạnh Ba-la-mật nhiếp phục chúng sanh, cũng không hạn định kiếp số tận cùng đời vị lai, vì chọn lấy tất cả chúng sanh giống như chính bản thân mình, nhưng cũng không giữ lấy tướng chúng sanh. Đây là nghĩa thế nào? Nghĩa là nhận thức như thật tất cả chúng sanh cùng với bản thân mình bình đẳng chỉ một chân như không có sai khác. Do có trí tuệ phương tiện rộng lớn như vậy, diệt trừ vô minh thấy được Pháp thân vốn có, tự nhiên mà có các loại công dụng của nghiệp không thể nghĩ bàn, chính là đồng đẳng với chân như khắp tất cả nơi chốn, lại cũng không có tướng dụng nào có thể đạt được. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai chỉ là thân của trí tướng Pháp thân, thuộc về Đệ nhất nghĩa đế mà không có thế tục đế và không cả cảnh giới, xa lìa mọi thiết lập, nhưng tùy chúng sanh thấy nghe được lợi ích nên nói là dụng.

Dụng này có hai loại. Sao nói là hai loại? Đó là:

1. Dựa vào thức phân biệt sự, là những gì mà tâm hàng phàm phu Nhị thừa thấy được, gọi là Ứng thân. Vì không biết do chuyển hóa từ thức hiện bày nên thấy là đến từ bên ngoài, chấp lấy giới hạn trong phạm vi của sắc chất nên không thể nào nhận thức hết được.

2. Dựa vào thức nghiệp, là những gì mà tâm của các vị Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến địa Bồ-tát cuối cùng nhìn thấy được, đó gọi là Báo thân. Thân này có vô lượng hình sắc, mỗi hình sắc có vô lượng tướng trạng, mỗi tướng trạng có vô lượng vẻ đẹp, nơi quả dựa vào an trú cũng có vô lượng các thứ trang nghiêm, tùy theo nơi thị hiện mà không có giới hạn, không thể cùng tận được, vì xa rời tướng giới hạn phạm vi, tùy theo những gì thích hợp đó mà luôn có thể giữ gìn không hủy hoại, không mất đi. Như vậy công đức đều nhờ các hạnh Ba-la-mật và các hành vô lậu huân tập, đạt đến những thành tựu của sự huân tập không nghĩ bàn được. Do đầy đủ vô lượng tướng an lạc, nên được gọi là Báo thân.

Vả lại, thân mà hạng phàm phu nhìn thấy được là sắc chất thô thiển, tùy theo sáu đường chúng sanh đều nhìn thấy không giống nhau, rất nhiều chủng loại sai khác không phải là tướng cảm thọ an lạc, nên nói là Ứng thân.



Hơn nữa, những gì mà các vị Bồ-tát mới phát tâm nhìn thấy được, là vì tâm tín pháp chân như nên thấy được phần ít, biết những sắc tướng trang nghiêm kia, không đến không đi - xa rời phạm vi giới hạn, chỉ dựa vào tâm mà hiện bày chứ không rời chân như. Nhưng các vị Bồ-tát này tự mình hãy còn phân biệt, vì chưa tiến vào địa Pháp thân. Nếu tâm được thanh tịnh thì những vi diệu đã thấy, nhờ dụng của tâm sẽ chuyển thành thù thắng hơn, cho đến Bồ-tát ở địa cuối cùng thấy được trọn vẹn. Nếu xa rời nghiệp thức thì không nhìn thấy tướng, vì Pháp thân chư Phật không có sắc tướng bên này bên kia thay đổi thấy lẫn nhau.

Hỏi: Nếu Pháp thân chư Phật xa rời sắc tướng, thì tại sao có thể hiện bày rõ sắc tướng?

Đáp: Chính Pháp thân này là sắc thể nên luôn luôn hiện bày nơi sắc, đó gọi là từ xưa đến nay sắc và tâm không hai, vì tánh sắc chính là trí nên sắc thể là vô hình, gọi là trí thân, vì trí tánh chính là sắc. Gọi là Pháp thân vì khắp tất cả mọi nơi, sắc đã hiện bày không có phạm vi giới hạn, tùy tâm có thể bày rõ khắp mười phương thế giới, vô lượng Bồ-tát vô lượng Báo thân, vô lượng trang nghiêm tất cả đều sai biệt, đều không có phạm vi giới hạn và không ngăn ngại lẫn nhau. Đây không phải là tâm thức phân biệt có thể biết được, vì đó là nghĩa về dụng tự tại của chân như.

Tiếp theo biểu hiện rõ ràng từ phương diện sanh diệt mà lập tức tiến vào phương diện chân như. Đó gọi là suy xét tìm tòi tâm cùng với sắc thân nơi năm ấm, cảnh giới sáu trần hoàn toàn không phân biệt, vì tâm không có hình tướng thì cầu tìm tâm đó khắp mười phương rốt cuộc không thể nào được. Như người lạc đường thì nói Đông là Tây, thật ra thì phương hướng không hề chuyển đổi. Chúng sanh cũng như vậy, vì vô minh làm cho mê muội vì thế nói tâm là phân biệt, nhưng thật ra thì tâm không hề biến động. Nếu có thể quan sát biết tâm không hề phân biệt, nhất định tùy thuận tiến vào phương diện chân như.

Đối trị chấp tà, thì tất cả mọi chấp tà đều dựa vào ngã kiến. Nếu như xa rời ngã thì không có chấp tà. Ngã kiến này có hai loại. Thế nào là hai loại? 1. Nhân ngã kiến. 2. Pháp ngã kiến.

Nhân ngã kiến là dựa vào các hạng phàm phu nói có năm loại. Sao nói là năm loại?

1. Nghe kinh điển nói Pháp thân Như Lai vắng lặng tận cùng giống như hư không. Vì không biết là phá bỏ chấp trước, nên cho hư không là tánh của Như Lai. Đối trị thế nào? Rõ ràng tướng hư không là pháp huyền vọng nên Thể của nó không hề có thật, vì đối với sắc nên có, thì

tướng có thể thấy làm cho tâm sanh diệt, mà tất cả các sắc pháp vốn có thì tâm thật ra không ở ngoài sắc. Nếu không có sắc bên ngoài thì không có tướng của hư không, đó gọi là tất cả mọi cảnh giới chỉ do tâm vọng động dấy lên nên có. Nếu tâm xa rời vọng động thì tất cả cảnh giới diệt đi, chỉ có một chân tâm không nơi nào không đầy khắp. Đây gọi là nghĩa lý tuyệt đối trong trí tánh rộng lớn của Như Lai, chứ không phải như tướng của hư không.

2. Nghe kinh điển nói các pháp thế gian suy cho cùng có thể là rỗng lặng, thậm chí pháp chân như Niết-bàn cũng hoàn toàn là rỗng lặng, từ xưa đến nay tự rỗng lặng xa rời tất cả các tướng, mà không biết là vì phá bỏ chấp trước, nên nói tánh của chân như Niết-bàn chỉ là cái rỗng lặng ấy. Đối trị thế nào? Rõ ràng Pháp thân, Chân như tự thể là bất không, vì đầy đủ vô lượng tánh công đức.

3. Nghe kinh điển nói Như Lai tạng không có tăng giảm, thể đầy đủ tánh của tất cả công đức, vì không hiểu được nên liền nói Như Lai tạng có tự tướng sai biệt của pháp sắc - tâm. Đối trị thế nào? Do chỉ dựa vào nghĩa trên phương diện chân như mà nói, do đó nghĩa trên phương diện sanh diệt nhiễm ô biểu hiện rõ mà nói là có sai biệt.

4. Nghe kinh điển nói tất cả pháp sanh tử nhiễm ô của thế gian đều dựa vào Như Lai tạng mà có, tất cả các pháp không xa rời chân như. Do không hiểu rõ nên nói là tự thể Như Lai tạng từ xưa đến nay chỉ có công đức thanh tịnh nhiều hơn số hằng hà sa, nên nghĩa lý chân như không tách rời, không đoạn mất và không sai khác. Vì pháp nhiễm ô phiền não nhiều như hằng hà sa, chỉ là vọng huyễn mà có chứ tánh tự nó vốn không hề có, từ vô thủy đời kiếp đến nay chưa từng tương ứng với Như Lai tạng. Nếu thể của Như Lai tạng có pháp vọng huyễn, khiến cho chứng nhập để vĩnh viễn chấm dứt vọng huyễn thì thật là vô lý.

5. Nghe kinh điển nói dựa vào Như Lai tạng nên có sanh tử, dựa vào Như Lai tạng nên đạt được Niết-bàn. Vì không hiểu rõ nên nói là chúng sanh có bắt đầu, vì thấy bắt đầu do đó lại nói là Như Lai đã đạt được Niết-bàn, Niết-bàn đó có điểm cuối cùng thì trở lại làm chúng sanh. Đối trị thế nào? Vì Như Lai tạng chưa từng có ranh giới hạn định, tướng vô minh cũng không có bắt đầu. Nếu như nói ngoài ba cõi lại có chúng sanh mới bắt đầu, thì chính là kinh của ngoại đạo nói ra. Vả lại, Như Lai tạng không có ranh giới hạn định về sau, tương ứng với Niết-bàn của chư Phật đã đạt được thì không có ranh giới về sau.

Pháp ngã kiến ấy thì dựa vào hàng độn căn Nhị thừa, Như Lai chỉ vì nói về người vô ngã, vì Ngài nói chưa rõ ráo, do đó hàng Nhị thừa

thấy có pháp sanh diệt của năm uẩn, sợ hãi sanh tử mà vọng giữ lấy Niết-bàn. Đối trị thế nào? Vì pháp của năm uẩn tự tánh không sanh khởi thì không có diệt, xưa nay là Niết-bàn.

Tiếp theo nói về rốt ráo xa rời vọng chấp. Nên biết pháp nhiệm hay pháp tịnh đều là đối đãi với nhau, không có tự tướng nào có thể nói. Vì vậy tất cả các pháp từ xưa đến nay chẳng phải sắc - chẳng phải tâm, chẳng phải trí - chẳng phải thức, chẳng phải có - chẳng phải không, suy cho cùng là không thể nói về tướng. Nhưng có nói về tướng ấy, nên biết Như Lai tạo phương tiện hết sức khéo léo, tạm dùng ngôn từ giảng giải để dẫn dắt chúng sanh mà thôi, tông chỉ của Ngài đều là làm cho chúng sanh xa rời phân biệt quay về với chân như. Do tất cả các pháp phân biệt làm cho tâm sanh diệt không thể hòa nhập trong thật trí.

Phân biệt làm cho hướng về tướng đạo, nghĩa là đạo lý đã chứng ngộ của hết thảy chư Phật, nghĩa của sự phát tâm tu hành hướng đến của tất cả Bồ-tát. Nói sơ lược về phát tâm thì có ba loại. Thế nào là ba loại?

1. Tín thành tựu phát tâm.
2. Giải hạnh phát tâm.
3. Chứng phát tâm.

Tín thành tựu phát tâm thì căn cứ vào hạng người như thế nào, tu công hạnh loại nào, thành tựu được niềm tin thì có thể phát tâm, đó gọi là dựa vào chúng sanh thuộc loại bất định, có năng lực huân tập của thiện căn, tin vào nghiệp của quả báo có thể bắt đầu tu mười nghiệp thiện, chán bỏ nỗi khổ sanh tử muốn cầu niềm vui Bồ-đề vô thượng, được gặp chư Phật, đích thân được cúng dường và tin tưởng tu hành, trải qua một vạn kiếp niềm tin được thành tựu, chư Phật và các vị Bồ-tát chỉ dạy khiến phát tâm, hoặc vì lòng đại bi nên có thể tự mình phát tâm, hoặc vì chánh pháp sắp hoại diệt nhờ nhân duyên hộ pháp mà tự mình có thể phát tâm như vậy thì tiến vào chánh định tụ hoàn toàn không lui sụt, được gọi là ở trong dòng dõi của Như Lai, tương ứng với chánh nhân. Nếu như có chúng sanh vì thiện căn nhỏ yếu, từ lâu xa đến nay còn nhiều phiền não sâu dày, cho dù được gặp Phật và được cúng dường, nhưng nảy sanh hạt giống trời người, hoặc dấy lên hạt giống Nhị thừa, giả sử có mong cầu Đại thừa thì căn cơ cũng không ổn định, hoặc tiến tới hoặc lui sụt. Hoặc là có người cúng dường chư Phật, chưa trải qua một vạn kiếp, trong thời gian đó cũng gặp được duyên lành, cũng có phát tâm. Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhờ cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhờ người hàng Nhị thừa

chỉ dạy khiến phát tâm, hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những loại phát tâm như vậy đều là không cố định, gặp phải nhân duyên xấu ác thì có thể thoái thất rơi vào địa Nhi thừa.

Vả lại, niềm tin thành tựu mà phát tâm, thì phát tâm ấy như thế nào? Nói sơ lược có ba loại. Thế nào là ba loại?

1. Trực tâm, là chánh niệm về pháp chân như.
2. Thâm tâm, là vui mừng tập hợp tất cả các hạnh thiện.
3. Tâm đại bi, là muốn trừ hết mọi nỗi khổ đau cho chúng sanh.

Hỏi: Trước đây nói về pháp giới chung một tướng, Phật thể không có hai, vì sao không chỉ nghĩ đến chân như, mà lại phải cầu học các hạnh thiện?

Đáp: Ví như thể tánh của ngọc Đại ma ni là trong suốt, nhưng có tạp chất của quặng lẫn vào, nếu như người tuy nghĩ đến tánh quý của ngọc, mà không dùng mọi cách mài giũa làm đẹp thì rốt cuộc không thể nào trong suốt được. Như vậy pháp chân như của chúng sanh có thể tánh là không, thanh tịnh, nhưng có vô lượng phiền não làm cho vấy bẩn, nếu như người tuy nghĩ đến chân như, mà không dùng mọi phương tiện huân tu thì cũng không thanh tịnh được. Vì vô lượng vết bẩn biến khắp tất cả các pháp, nên tu tất cả các hạnh thiện để đối trị, nếu như người tu hành tất cả các pháp thiện thì tự nhiên trở về thuận theo pháp chân như.

Nói sơ lược về phương tiện thì có bốn loại. Thế nào là bốn loại?

1. Thực hành phương tiện căn bản, là quán sát tất cả các pháp, tự tánh không sanh ra, xa lìa vọng kiến, không trú vào sanh tử. Quán sát tất cả các pháp nhân duyên hòa hợp và nghiệp quả không mất, khởi tâm đại bi tu các công đức phước thiện, giáo hóa chúng sanh mà không trú vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh không trú vào nơi nào.

2. Phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, là hổ thẹn và hối hận về sai lầm của mình, có thể ngăn lại tất cả mọi pháp ác khiến không tăng trưởng được, vì tùy thuận pháp tánh xa rời các sai lầm.

3. Phương tiện phát khởi và tăng trưởng thiện căn, là thường xuyên cúng dường và lễ bái Tam bảo, tán thán, tùy hỷ và khuyến thỉnh chư Phật. Vì tâm kính mến Tam bảo thuần hậu như vậy nên niềm tin được tăng thêm, mới có thể bền chí cầu đạt quả vô thượng. Lại nhờ năng lực của Phật Pháp Tăng hộ trì, nên có thể tiêu trừ nghiệp chướng và thiện căn không thoái chuyển. Để tùy thuận pháp tánh, xa rời si mê chướng ngại.

4. Phương tiện đại nguyện bình đẳng, đó là phát nguyện tận cùng vị lai, hóa độ tất cả chúng sanh khiến không có một chúng sanh nào bỏ

sốt, đều khiến cho hoàn toàn đạt đến Niết-bàn vô dư để tùy thuận pháp tánh không hề đoạn tuyệt.

Pháp tánh rộng lớn bao phủ tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, không phân biệt bên này bên kia và hoàn toàn vắng lặng. Bồ-tát phát tâm như vậy thì đối với Pháp thân có thể thấy được phần ít. Vì thấy được Pháp thân nên thuận theo nguyện lực của mình, có năng lực hiện rõ ra tám loại lợi ích cho chúng sanh, đó là từ cõi trời Đâu Suất lại vào thai, trú trong thai và ra khỏi thai, xuất gia - thành đạo, Chuyển pháp luân - nhập Niết-bàn. Nhưng Bồ-tát này chưa được gọi là Pháp thân, vì nghiệp hữu lậu của vô lượng đời kiếp từ quá khứ đến nay chưa có thể đoạn trừ tất cả, tùy theo nơi sanh ra đó tương ứng với nỗi khổ nhỏ, nhưng cũng không phải là nghiệp lực ràng buộc, vì có năng lực tự tại của đại nguyện. Như trong kinh điển hoặc là nói có lui sụt rơi vào đường ác, thật ra không phải là lui sụt, chỉ vì hàng Bồ-tát sơ học chưa tiến vào phần vị chính thức mà người lười biếng, lại sợ hãi sự dũng mãnh mà thôi. Và lại, hàng Bồ-tát này một khi đã phát tâm sau đó thì không còn khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa, cho dù nghe chịu khó chịu khổ làm những việc khó làm trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp mới đạt được Niết-bàn, cũng không hề khiếp nhược, vì tin tưởng và biết rõ tất cả các pháp từ xưa đến nay là Niết-bàn tự có.

Giải hạnh phát tâm nên biết chuyển hóa hơn hẳn. Vì Bồ-tát này bắt đầu từ lúc tin tưởng đích thực đến nay, ở tại A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp sửa đầy đủ, ở trong pháp chân như hiểu sâu sự tu tập xa lìa tướng ở hiện tiền, vì biết thể của pháp tánh là không tham tiếc, nên tùy thuận tu hạnh Bồ thí (Đàn) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh là không nhiễm ô và xa rời sai lầm của năm dục, nên tùy thuận tu hạnh Trì giới (Thi la) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh là không đau khổ nên xa rời mọi sân não, tùy thuận tu hạnh Nhẫn nhục (Sàn đề) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh không có tướng thân tâm nên xa rời tâm ý lười nhác, tùy thuận tu hạnh Tinh tấn (Tỳ-lê-da) Ba-la-mật, vì biết pháp tánh là luôn luôn ổn định nên thể không hỗn loạn, tùy thuận tu hạnh Thiền định Ba-la-mật, vì biết thể pháp tánh trong sáng nên xa rời vô minh, tùy thuận tu hạnh Trí tuệ (Bát nhã) Ba-la-mật.

Chứng phát tâm là các vị Bồ-tát từ địa tâm thanh tịnh cho đến địa cuối cùng, các vị này chứng cảnh giới nào? Đó là chứng chân như. Vì dựa vào thức chuyển hóa nói là cảnh giới, nhưng chứng đạt ở đây không có cảnh giới, chỉ là trí chân như mà gọi là Pháp thân. Các vị Bồ-tát này ở trong khoảnh khắc một niệm có thể đến được vô lượng thế giới khắp

mười phương, cúng dường chư Phật và thỉnh cầu các Ngài chuyển pháp luân, chỉ vì chỉ dạy dẫn dắt làm lợi ích cho chúng sanh, mà không căn cứ vào văn tự. Hoặc biểu hiện vượt lên trên địa mau chóng thành tựu Chánh giác, chỉ vì hàng chúng sanh khiếp sợ yếu kém. Hoặc vì hàng chúng sanh lười nhác, khinh thường, mà nói Ta ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành tựu Phật đạo. Có thể biểu hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, nhưng thật ra thì chủng tánh và căn cơ của các vị Bồ-tát, sẽ phát tâm bình đẳng, chứng ngộ cũng bình đẳng, không có pháp nào vượt lên trước, vì tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng tùy theo thế giới của chúng sanh không giống nhau, sự kiến giải, nghe hiểu, căn cơ và tánh ham muốn khác nhau, nên biểu hiện những việc làm cũng có sai khác. Có ba loại tướng vi tế của tâm. Thế nào là ba:

1. Chân tâm: Là tâm không phân biệt.
2. Tâm phương tiện: Tự nhiên tu hành hiện bày khắp lợi ích chúng sanh.
3. Tâm nghiệp thức: Tâm vi tế khởi lên, diệt đi.

Lại nữa, các Bồ-tát này... thành tựu đầy đủ mọi công đức, đối với cõi Sắc cứu cánh, biểu hiện tất cả thân tướng cao lớn nhất thế gian, nghĩa là dùng một ý niệm tương ứng với tuệ, thì vô minh lập tức không còn, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên mà có nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, có năng lực hiện bày khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sanh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên nên tâm hạnh sai khác lại cũng vô biên. Cảnh giới như vậy không thể hạn định phạm vi nên rất khó hiểu biết. Nếu vô minh đoạn mất thì không có tướng tâm làm sao có năng lực hiểu rõ gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tất cả cảnh giới vốn có chỉ một tâm, xa rời mọi ý tưởng phân biệt. Vì chúng sanh vọng nhìn thấy cảnh giới nên tâm có giới hạn phạm vi. Do sai lầm dấy lên ý tưởng phân biệt không phù hợp với pháp tánh nên không có năng lực quyết đoán rõ ràng. Chư Phật Như Lai xa rời ý tưởng nhận thức này nên không có nơi nào không cùng khắp. Vì tâm chân thật chính là tánh của các pháp, Thể của nó biểu hiện soi sáng tất cả các pháp huyễn vọng. Có trí lớn dùng vô lượng phương tiện, tùy theo các chúng sanh có thể hiểu rõ một cách thích ứng, đều có thể chỉ bày rõ các loại pháp nghĩa, vì thế được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Lại hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp dụng tự nhiên, có năng lực hiện

bày tất cả mọi nơi làm lợi ích cho chúng sanh, tất cả chúng sanh hoặc là thấy được thân tướng của Ngài, hoặc là nhìn thấy thân thông biến hóa của Ngài, hoặc là nghe được lời nói của Ngài, không chúng sanh nào không được lợi ích, tại sao thế gian phần nhiều không thể thấy nghe được?

Đáp: Pháp thân của chư Phật Như Lai là bình đẳng khắp tất cả mọi nơi, không có tác ý, nhưng nói là tự nhiên, chỉ là căn cứ vào tâm của chúng sanh, hiện rõ tâm chúng sanh ấy giống như đối trước gương. Nếu gương có vết thì cảnh sắc không hiện rõ. Như vậy, nếu tâm chúng sanh có cấu trược thì Pháp thân không hiện rõ được.

Đã nói về phần giải thích, tiếp theo nói về phần tâm tín tu hành.

Trong phần này căn cứ vào hạng chúng sanh chưa tiến vào chánh định mà nói về tâm tín tu hành. Tâm tín như thế nào và tu hành làm sao? Nói sơ lược thì tâm tín có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là: 1. Niềm tin căn bản, đó là vui với ý niệm về pháp chân như. 2. Niềm tin vào Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ đến sự thân cận cung kính cúng dường, phát khởi thiện căn, nguyện cầu đạt được Nhất thiết trí (Trí Phật). 3. Niềm tin vào Pháp có lợi ích to lớn nên luôn luôn nghĩ đến tu tập thực hành các hạnh Ba-la-mật. 4. Niềm tin vào Tăng có năng lực đích thực tu hành các hạnh lợi mình và lợi người, luôn luôn thích được gần gũi các chúng Bồ-tát, cầu mong học theo sự thực hành đúng chân lý.

Tu hành có năm phương diện (môn), có thể thành tựu niềm tin này. Thế nào là năm phương diện? Đó là:

1. Phương diện Bố thí.
2. Phương diện Trì giới.
3. Phương diện Nhẫn nhục.
4. Phương diện Tinh tấn.
5. Phương diện Chỉ và Quán.

Sao nói là tu hành trên phương diện Bố thí? Nếu thấy tất cả người đến cầu xin điều gì, đồ vật tiền bạc vốn có tùy theo sức mà giúp cho, để tự bỏ tính tham tiếc và làm cho người ấy hoan hỷ. Nếu ai gặp phải tai ách hoạn nạn nguy hiểm bức bách vô cùng sợ hãi, tùy theo khả năng của mình có thể đảm nhiệm mà giúp họ không còn lo sợ. Nếu có chúng sanh đến cầu học hỏi pháp Phật, thì tùy theo sự hiểu biết của mình phương tiện giảng nói cho họ, không nên tham cầu danh lợi và sự cung kính, chỉ nghĩ đến việc làm lợi mình và lợi người để hồi hường quả Bồ-đề Phật.

Sao nói là tu hành trên phương diện Trì giới? Đó là không giết hại, không trộm cắp, không dâm loạn, không nói hai lưỡi, không nói lời ác, không nói dối trá, không nói thêu dệt, rời xa tham lam, ganh ghét, lừa dối, gian trá, dua nịnh quanh co, nóng giận và tà kiến. Nếu là người xuất gia thì hãy bẻ gãy mọi phiền não, cũng phải xa rời nơi ồn ào náo loạn, thường ở nơi vắng lặng tu tập các hạnh đầu đà, ít ham muốn, biết vừa đủ, thậm chí lỗi lầm bé nhỏ cũng sanh tâm sợ hãi, hổ thẹn và hối hận sửa chữa, không được xem thường đối với giới cấm Như Lai đã chế định, nên giữ gìn để tránh sự hiềm khích, chê bai, đừng làm cho chúng sanh dậy lên tội lỗi một cách oan uổng.

Sao nói là tu hành trên phương diện Nhẫn nhục? Đó là phải nhẫn chịu sự náo hại của người khác, tâm không ôm mang sự trả thù, cũng nên nén chịu đựng với những tâm ý được lợi ích, mất vừa ý, nói xấu trước mặt, khen ngợi trước mặt, nói tốt sau lưng, mĩa mai sau lưng, đau khổ hay an vui.

Sao nói là tu hành trên phương diện Tinh tấn? Đó là đối với các việc thiện tâm không lười nhác rút lui, lập chí kiên cường rời xa tâm ý yếu kém, hãy nghĩ quá khứ lâu xa đến nay, mình nhận chịu tất cả mọi nỗi khổ đau hết sức nơi thân tâm giả dối này mà không có lợi ích gì, vì vậy nên chịu khó tu các công đức, làm lợi cho mình và lợi ích cho người, mau chóng xa rời mọi khổ đau.

Vả lại, nếu như người tuy tín tâm tu hành, nhưng vì từ đời trước đến nay có nhiều tội nặng và nghiệp ác chướng ngại, bị sự náo loạn của tà ma quỷ quái, hoặc bị các loại liên quan đến công việc thế gian ràng buộc, hoặc bị sự bức não của bệnh tật khổ đau, có rất nhiều những chướng ngại, vì thế cần phải dũng mãnh tinh cần, ngày đêm sáu thời lễ lạy chư Phật, thành tâm sám hối, khuyến tỉnh, tùy hỷ, hồi hướng đạ quả Bồ-đề. Thường xuyên không ngừng, không giữa chừng bỏ dỡ, thì nhất định trừ diệt các chướng và tăng trưởng thiện căn.

Sao nói là tu hành trên phương diện Chỉ và Quán? Nói là Chỉ, nghĩa là ngăn lại tất cả các tướng của cảnh giới, tùy thuận với nghĩa quán của Xa-ma-tha. Nói Quán, nghĩa là phân biệt tướng sanh diệt của nhân duyên, tùy thuận với nghĩa quán của Tỳ-bát-xá-na. Sao nói là tùy thuận? Do hai nghĩa này dần dần tu tập không rời bỏ nhau cả hai cùng hiện rõ trước mắt, cùng lúc tu tập. Nếu như tu về Chỉ thì ở nơi vắng lặng ngồi ngay thẳng - ý chính đáng, không dựa vào hơi thở - không dựa vào thân hình, không dựa vào hư không - không dựa vào đất nước gió lửa, thậm chí không dựa vào thấy nghe hiểu biết, tất cả các tướng này theo



ý nghĩ đến đều bị loại trừ, cũng gạt bỏ luôn ý tưởng loại trừ. Vì tất cả các pháp từ xưa nay không hề có tướng, niệm niệm không sanh ra, niệm niệm không diệt đi, cũng không được tùy theo tâm mà nghĩ đến cảnh giới bên ngoài, sau đó dùng tâm loại trừ tâm, nếu tâm dong ruổi phân tán, lập tức hãy thu tóm để trú vào chánh niệm. Chánh niệm này nên biết chỉ có tâm mà không có cảnh giới nào khác, đã trở lại tâm này thì cũng không có tướng của nó, niệm niệm không thể đạt được. Nếu từ chỗ ngồi đứng dậy qua lại đi đứng có những động tác thực hành, vào tất cả mọi lúc luôn luôn nghĩ đến phương tiện thuận theo quán sát, luyện tập lâu dần sẽ thuần thực và tâm đó nhất định dừng lại. Vì tâm dừng lại nên dần dần sắc bén hẳn lên, tùy thuận được tiến vào Chân như tam muội, hàng phục sâu các phiền não, tâm tín tăng thêm, nhanh chóng thành tựu không còn lui sụt. Chỉ trừ ra những hạng nghi ngờ mê hoặc, không có niềm tin, phỉ báng, tội nặng, nghiệp chướng, kiêu mạn, lười biếng..., những hạng người như vậy vốn không có năng lực tiến vào.

Hơn nữa, vì dựa vào Tam muội như vậy, thì biết một tướng của pháp giới, nghĩa là Pháp thân của hết thảy chư Phật và thân của chúng sanh bình đẳng không hai, tức gọi là Tam-muội Nhất hành. Nên biết Chân như là căn bản của Tam-muội, nếu người tu hành thì dần dần có năng lực phát sanh vô lượng Tam-muội. Hoặc có chúng sanh không có sức lực của thiện căn, thì bị tà ma, ngoại đạo, quỷ thần làm cho mê hoặc rối loạn. Hoặc trong lúc đang ngồi mà chúng hiện hình làm cho sợ hãi, hoặc hiện bày các tướng nam nữ đoan nghiêm đẹp đẽ, ý niệm lúc ấy chỉ là cảnh giới của tâm thì sẽ diệt, rốt cuộc không nào hại được. Hoặc hiện ra hình dáng chư thiên, hình dáng Bồ-tát, cũng hiện bày hình dáng Như Lai đầy đủ tướng tốt. Hoặc nói các Đà-la-ni (thần chú), hoặc nói về Bồ-thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, hoặc nói về bình đẳng, không, vô tướng, vô nguyện, không oán thù, không thân thiết, không có nhân, không có quả, hoàn toàn rỗng lặng và chính là Niết-bàn chân thật. Hoặc khiến cho người biết được sự việc thuộc quá khứ của mình ở đời kiếp xa xưa, cũng biết sự việc của tương lai, được biết rõ tâm người khác, được biện tài vô ngại, có thể làm cho chúng sanh tham đắm danh vọng và quyền lợi của thế gian. Còn khiến cho người hay giận hay vui, tánh khí thất thường không chuẩn mực, hoặc nhiều lòng yêu thương, ngu nhiều, bệnh nhiều, tâm đó lười nhác uể oải, hoặc đột nhiên khởi lên tinh tấn sau đó liền bỏ dở, sanh ra không tin tưởng, lắm nghi ngờ lắm lo nghĩ. Hoặc bỏ các công hạnh tốt đẹp vốn tu, trở lại tu các nghiệp hỗn tạp, dường như vướng vào các loại ràng buộc lôi kéo của thế

sự. Cũng có thể làm cho người đạt được những Tam-muội tương tự phần nào, mà đều là những thứ đạt được của ngoại đạo, không phải là Tam-muội chân thật. Hoặc lại làm cho người trú ở trong định một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, được ăn uống những thức thơm ngon tự nhiên có sẵn, thân tâm vui sướng dễ chịu, không đói không khát, khiến cho người yêu thích say đắm. Hoặc cũng làm cho người ăn uống không có chừng mực, lúc nhiều lúc ít, dung mạo đổi khác. Do nghĩa ấy, người thực hành luôn luôn thuận theo trí tuệ mà quán sát, đừng để cho tâm này rơi vào mạng lưới tà ma. Nên siêng năng chánh niệm, đừng lấy, đừng đắm say, thì có năng lực rời xa các nghiệp chướng này. Nên biết tất cả Tam-muội của ngoại đạo, đều không xa rời tâm của kiến, ái và ngã mạn, vì tham đắm danh vọng, quyền lợi và sự cung kính của thế gian. Tam-muội Chân như thì không trú vào tướng thấy, không trú vào tướng được, cho đến ra khỏi định cũng không hề lưỡi nhác hay kiêu mạn, tất cả phiền não dần dần nhỏ bé hẳn đi. Nếu các hạng phàm phu không luyện tập pháp Tam-muội này, thì không thể nào đi vào được trong dòng dõi của Như Lai. Vì tu các Thiên Tam-muội của thế gian phần nhiều nảy sinh đắm chấp vị, dựa vào ngã kiến hệ lụy ở ba cõi, cùng với ngoại đạo như nhau. Nếu như xa rời sự bảo vệ của bậc trí thức thiện, thì khởi lên cách nhìn của ngoại đạo.

Tiếp theo nói về chuyên tâm tinh cần tu học Tam-muội này thì đời hiện tại sẽ được mười sự lợi ích. Thế nào là mười? Đó là:

1. Thường được chư Phật và Bồ-tát khắp mười phương gia hộ che chở.
2. Không bị các loại ma tà quỷ ác làm cho khiếp sợ.
3. Không bị sự mê hoặc, nhiễu loạn của chín mươi lăm loại ngoại đạo quỷ thần.
4. Rời xa tội nặng phỉ báng giáo pháp thâm diệu và nghiệp chướng dần dần nhẹ ít đi.
5. Diệt trừ tất cả mọi nghi hoặc và những nhận thức xấu ác.
6. Đối với cảnh giới của Như Lai niềm tin được tăng thêm hơn nữa.
7. Rời xa mọi buồn khổ ân hận, ở trong sanh tử mà dũng mãnh không hề sợ hãi.
8. Tâm tư hòa nhã, xả bỏ kiêu mạn, không bị người khác làm cho hoảng hốt.
9. Tuy chưa đạt được định nhưng ở trong mọi lúc và tất cả mọi nơi, vẫn có năng lực giảm bớt phiền não, không vui với niềm vui thế gian.

10. Nếu đạt được Tam muội thì không bị ngoại duyên và tất cả mọi âm thanh làm cho kinh động.

Lại nữa, nếu người chỉ tu tập phương pháp về Chỉ, thì tâm hay chìm lặng hoặc sanh ra lưỡi nhác, không vui với với mọi điều thiện, rời xa yếu tố Đại bi, vì vậy cần phải tu Quán. Tu tập về Quán, trước mắt quán xét tất cả các pháp hữu vi ở thế gian, không thể dừng lại lâu dài, đổi thay hư hoại trong từng khoảnh khắc, tất cả mọi tâm hành sanh diệt trong từng ý niệm. Vì đây là nguyên nhân của khổ đau, nên quán xét các pháp đã nhớ nghĩ trong quá khứ phảng phất như cảnh mộng. Nên quán xét hiện tại thì các pháp đang phân biệt giống như ánh chớp nhoáng. Nên quán xét vị lai thì các pháp đã nghĩ đến giống như mây mù bỗng nhiên dần lên như thế, nên quán xét thế gian này tất cả mọi thân thể đang tồn tại thấy đều bất tịnh, lắm thứ ô uế và không có một chút nào đáng được yêu thích. Ý niệm đang là như vậy, thì tất cả chúng sanh từ vô thủy đời kiếp đến nay, đều do vô minh đã huân tập nên làm cho tâm sanh diệt, đã nhận chịu nỗi khổ vô cùng của tất cả thân tâm. Hiện tại thì có vô lượng những điều bức bách, nỗi khổ của đời vị lai cũng không có phạm vi giới hạn. Nỗi khổ đó khó bỏ khó rời nhưng không thức tỉnh và không hề nhận biết. Chúng sanh như vậy thật là đáng thương xót!

Khởi lên tư duy này, ngay lập tức dừng mãi xây dựng thế nguyện rộng lớn, nguyện làm cho tâm mình xa rời mọi phân biệt, đối với khắp mười phương tu hành tất cả các công đức phước thiện tận cùng thời gian vị lai, dùng vô lượng phương tiện cứu giúp tất cả chúng sanh đang bị khổ não giày vò, khiến họ đạt được niềm vui đệ nhất nghĩa của Niết-bàn. Vì thành lập hạnh nguyện như vậy, nên vào tất cả mọi lúc và tất cả mọi nơi, các điều thiện vốn có thuận theo đã có thể thực hiện mà không bỏ sự tu học, tâm không hề lưỡi nhác, chỉ trừ lúc ngồi tĩnh lặng chuyên tâm vào phương pháp Chỉ, dường như những lúc còn lại tất cả đều hướng về quán sát nên làm hay không nên làm. Trong mọi động thái đi đứng ngồi nằm, đều thuận theo thực hành cả hai phương pháp Chỉ và Quán, đó gọi là tuy nghĩ tự tánh của các pháp không sanh, mà lại chính là nhớ nghiệp thiện ác do nhân duyên hòa hợp thì báo ứng khổ vui không mất đi, không hoại diệt. Tuy nghĩ đến nhân duyên, thiện ác, nghiệp báo, mà cũng chính là nghĩ tánh không thể đạt được.

Nếu như tu phương pháp Chỉ, thì đối trị sự bám víu tham đắm trong cuộc đời của hạng phàm phu, có khả năng xả bỏ quan điểm yếu kém trước cuộc đời của hàng Nhị thừa. Nếu như tu phương pháp Quán, thì đối trị cái sai của hàng Nhị thừa là không khởi dậy lòng Đại bi và tâm ý

trốn tránh hẹp hòi, đồng thời cũng đối trị cái sai của hàng phàm phu là rời xa công hạnh và không tu dưỡng thiện căn. Do ý nghĩa này mà hai phương pháp Chỉ và Quán cùng hỗ trợ thành tựu lẫn nhau, không thể bỏ xa nhau được. Nếu như Chỉ và Quán không đầy đủ, thì không có năng lực tiến vào đạo quả Bồ-đề.

Hơn nữa, chúng sanh mới học tập những phương pháp này, muốn cầu niềm tin đích thực mà tâm ý của họ yếu kém quá. Vì ở tại thế giới Ta-bà này, tự nhiên sợ không thể thường xuyên được gặp chư Phật và có cơ hội thân cận thừa sự cúng dường. Sợ tức là niềm tin khó có thể thành tựu và ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng để tiếp nhận và bảo vệ tâm tín, nghĩa là dùng nhân duyên chuyên tâm chú ý niệm Phật, tùy nguyện được sanh đến cõi Phật ở các phương khác, thường được thấy Phật, vĩnh viễn rời xa nẻo ác. Như trong kinh điển nói: “Nếu người nào chuyên chú trì niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc Tây phương, những thiện căn đã tu tập hồi hướng nguyện cầu sanh về thế giới ấy, thì nhất định sanh đến cõi ấy, thường được thấy Phật, cho nên suốt tận cùng thời gian không có sự thoái lui”. Nếu như người nào quán sát Pháp thân chân như của Phật, luôn luôn chịu khó tu tập thì cuối cùng được sanh ra và trú trong Chánh định.

Đã nói về phần tín tâm tu hành, tiếp theo nói về phần khuyến khích tu vì lợi ích.

Như vậy tư tưởng Đại thừa là kho tàng bí mật của chư Phật, tôi đã giới thiệu tổng quát. Nếu có chúng sanh nào hy vọng có thể phát sanh niềm tin đích thực đối với cảnh giới rất sâu xa của Như Lai và rời xa sự phỉ báng, tiến vào con đường Đại thừa, thì trước mắt nắm giữ luận này để suy nghĩ và tùy khả năng tu tập, kết quả cuối cùng có thể đạt đến đạo quả vô thượng. Nếu người nào nghe pháp này rồi mà không hề sợ hãi, nên biết người này chắc chắn kế thừa dòng dõi của Phật, nhất định nhận được sự thọ ký của chư Phật. Giả sử có người có năng lực cảm hóa chúng sanh trong khắp Tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho tất cả thực hành mười nghiệp thiện, không bằng có người ở trong khoảng thời gian một bữa ăn suy nghĩ đích thực về pháp này, và hơn hẳn công đức của người nói ở trước, vì công đức này không thể nào ví dụ được.

Lại nữa, nếu người nào tiếp nhận giữ gìn luận này và quán sát tu hành, hoặc như trong một ngày một đêm thì đã có được công đức vô lượng vô biên không thể nào nói được. Dù cho hết thủy chư Phật khắp mười phương, các Ngài đều từ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp khen ngợi công đức của người đó cũng không thể nào hết. Tại sao? Vì công

---

đức của pháp tánh không có cùng tận, nên công đức của người này lại cũng không có giới hạn như vậy.

Trái lại, nếu có chúng sanh nào đối với tư tưởng Đại thừa trong lu- ật này mà hủy báng không tin, họ sẽ mắc phải tội báo trải qua vô lượng đời kiếp nhận chịu nỗi khổ đau vô cùng. Vì vậy chúng sanh chỉ nên tin ngưỡng mà không nên phỉ báng, vì rất có hại cho mình và cũng làm hại đến người khác, đoạn tuyệt tất cả chủng tử của Tam bảo. Mà hết thấy Như Lai đều dựa vào pháp này để đạt được Niết-bàn, tất cả Bồ-tát nhờ pháp này tu hành tiến vào trí Phật. Nên biết các vị Bồ-tát trong quá khứ đã dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng, các vị Bồ-tát trong hiện tại sẽ dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng, các vị Bồ-tát trong vị lai đang dựa vào pháp này được thành tựu niềm tin trong sáng. Vì thế nên chúng sanh hãy thường xuyên nỗ lực tu học tư tưởng Đại thừa này!

*Nghĩa lý rộng lớn thật sâu xa  
Nguồn gốc hội nhập của chư Phật  
Trước hết con thuận theo từng phần  
Giới thiệu tổng quát để giữ gìn.  
Hồi hướng công đức phước thiện này  
Chân thật như pháp tánh vô biên  
Lợi ích rộng khắp cho chúng sanh  
Tất cả được niềm tin trong sáng.*

